SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI

Số: 685 /TM-BVNĐĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 10 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và đơn vị cung cấp dịch vụ xét nghiệm tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ;

Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở xác định giá và lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ xét nghiệm gửi mẫu ngoại viện, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Tên dự toán: Mua dịch vụ xét nghiệm gửi mẫu ngoại viện, thời gian thực hiện 12 tháng.

2. Hình thức tiếp nhận báo giá: đơn vị chọn một trong các hình thức sau:

a) Trực tuyến: qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Gửi trực tiếp: nộp bản gốc báo giá trong phong bì dán kín, có đóng dấu niêm phong của đơn vị, tại Phòng Quản lý chất lượng, Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai (Quốc lộ 1A, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai) trong giờ hành chính;

c) Qua thư điện tử: gửi bản scan báo giá có chữ ký, đóng dấu (định dạng PDF) đến địa chỉ **phongqlcl.bvnhi@gmail.com** (Phòng Quản lý chất lượng); tiêu đề thư ghi: "Báo giá dịch vụ xét nghiệm gửi mẫu ngoại viện – [Tên đơn vị]".

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải đến 16 giờ 00 ngày 08 tháng 11 năm 2026.

4. Yêu cầu về chào giá:

- Đơn giá chào bằng đồng Việt Nam, tính cho 01 lần xét nghiệm, đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định; chi phí nhận mẫu tại Khoa Xét nghiệm Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai; chi phí đóng gói, bảo quản, vận chuyển mẫu; chi phí trả kết quả và các chi phí khác có liên quan;

- Đơn giá áp dụng không phụ thuộc số lượng mẫu; Bệnh viện thanh toán theo số lượng mẫu gửi thực tế;

- Đơn vị được báo giá một phần hoặc toàn bộ danh mục.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận báo giá.

6. Thông tin liên hệ:

- Họ tên: Tô Thị Lý

- Chức vụ: KTV. Trưởng khoa

- Số điện thoại: 0983653387

- Địa chỉ: Khoa Xét nghiệm, Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai, Quốc lộ 1A, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai.

- Email: toly22099@gmail.com

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Kính mời Quý đơn vị quan tâm và có khả năng thực hiện các xét nghiệm phù hợp vui lòng báo giá theo nội dung sau: *(danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

1. Yêu cầu đối với cơ sở thực hiện xét nghiệm:

- Cơ sở thực hiện kỹ thuật xét nghiệm phải có giấy phép hoạt động và được phép thực hiện các xét nghiệm này ở Việt Nam;

- Cơ sở thực hiện kỹ thuật xét nghiệm phải đạt mức chất lượng bằng hoặc cao hơn mức chất lượng của Khoa Xét nghiệm Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai (mức 2) theo tiêu chuẩn chất lượng của Quyết định số 2429/QĐ-BYT ngày 12/6/2017 của Bộ Y Tế. Đặc biệt phải đáp ứng các tiểu mục 8.7, 8.8, 8.9, 8.10, 8.11, 8.15 về nội kiểm, ngoại kiểm hoặc tương đương;

- Nhận mẫu xét nghiệm tại Khoa Xét nghiệm Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai.

2. Hồ sơ cung cấp kèm theo báo giá:

- Bản sao giấy phép hoạt động và danh mục kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt (phần liên quan đến các xét nghiệm báo giá);

- Tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về chất lượng nêu tại khoản 1 Mục này (kết quả đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm, chứng nhận ISO 15189 hoặc tương đương);

- Hợp đồng hoặc bảng giá đang áp dụng với cơ sở y tế khác đối với xét nghiệm tương tự (nếu có).

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Website Bệnh viện;
- Phòng QLCL (tiếp nhận báo giá);
- Lưu: VT, Xét Nghiệm

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI

Lê Anh Phong

PHỤ LỤC

DANH MỤC XÉT NGHIỆM YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào giá số :685/TM-BVNĐĐN ngày 28tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai)

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN	GHI CHÚ
1	Giải phẫu bệnh		Lần		
	HUYẾT HỌC				
2	Điện di huyết sắc tố	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
3	Giải trình tự gene Alpha globin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
4	Giải trình tự gene Beta globin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
5	Khảo sát các đột biến thường gặp trong bệnh Thalassemia: alpha và beta Thalassemia	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
6	Máu lắng (bằng máy tự động)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
7	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
8	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
9	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
	ĐÔNG MÁU				
10	Anti Cardiolipin IgG: Liên quan đến hội chứng antiphospholipid.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
11	Anti Cardiolipin IgM: Liên quan đến hội chứng antiphospholipid.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
12	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với ADP/Collagen/Acid Arachidonic/Thrombin/Epinephrin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
13	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Ristocetin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
14	Định lượng men ADAMTS13 (A Disintegrin And Metalloproteinase with ThromboSpondin1 member 13)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
15	Xét nghiệm PFA 100 (Platelet Funtion Analyzer)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
16	Định lượng Anti Xa	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
17	Định lượng Antithrombin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
18	Định lượng các Yếu tố đông máu cá thể (II, V, VII, X, XI, XII, XIII)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
19	Định lượng hoạt tính yếu tố Von Willebrand (VWF Activity) (tên khác: định lượng hoạt tính đồng yếu tố Ristocetin: VIII: R co)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
20	Định lượng kháng nguyên yếu tố Von Willebrand (VWF Antigen)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
21	Định lượng ức chế yếu tố IX	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN	GHI CHÚ
22	Định lượng ức chế yếu tố VIIIc	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
23	Định lượng protein C	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
24	Định lượng Protein S	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
25	Định lượng D-Dimer	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
26	Định lượng Fibrinogen	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
27	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time),	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
28	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
29	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
30	Thromboelastography (TEG) / ROTEM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
31	Lupus anticoagulant	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
	NGÂN HÀNG MÁU				
32	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
33	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
34	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
35	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
	SINH HÓA				
36	17-OH Progesterone (17-Hydroxyprogesterone)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
37	ADA (Adenosine Deaminase - thường dùng trong chẩn đoán lao)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
38	Alpha 1-antitrypsine	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
39	Catecholoamin máu,NT 24g	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
40	Cặn Addis	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
41	Delta ALA niệu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
42	Điện giải (Na, K, Cl) (niệu)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
43	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
44	Điện di protein	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
45	Định lượng Acetaminophen	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
46	Định lượng Acid Amin Huyết thanh (Quantitative Amino Acid Profile)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
47	Định lượng ACTH (Adreno Cortico Trophic Hormone)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN	GHI CHÚ
48	Định lượng ADH (Anti-Diuretic Hormone)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
49	Định lượng Albumin [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
50	Định lượng Aldosterone	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
51	Định lượng Alkaline Phosphatase (ALP)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
52	Định lượng Amylase (niệu)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
53	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
54	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
55	Định lượng C-Peptid	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
56	Định lượng Calci ion hoá [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
57	Định lượng Canxi niệu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
58	Định lượng Cetone máu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
59	Định lượng CKMB	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
60	Định lượng Cortisol máu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
61	Định lượng Cortisol nước tiểu 24g	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
62	Định lượng CPK	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
63	Định lượng Creatinin (niệu)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
64	Định lượng Creatinin Kinase	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
65	Định lượng CRP	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
66	Định lượng Digoxin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
67	Định lượng Ethanol máu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
68	Định lượng Gama GT	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
69	Định lượng Glucose (dịch chọc dò)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
70	Định lượng Glucose (dịch não tuỷ)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
71	Định lượng Glucose [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
72	Định lượng HbA1C	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
73	Định lượng HDL-C [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
74	Định lượng Insulin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
75	Định lượng kẽm	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
76	Định lượng magie máu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
77	Ceruloplasmin, Đồng/ máu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
78	Định lượng vitamin D	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
79	Định lượng Phospho máu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
80	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
81	Định lượng Triglycerid [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
82	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
83	Định lượng LDH Lactate Dehydrogenase	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN	GHI CHÚ
84	Định lượng LDL - C [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
85	Định lượng Lipase	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
86	Định lượng NH3	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
87	Định lượng Procalcitonin [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
88	Định lượng Protein (dịch chọc dò)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
89	Định lượng Protein (dịch não tuỷ)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
90	Định lượng Protein (niệu)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
91	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
92	Định lượng sắt [máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
93	Định lượng Creatinin (máu)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
94	Định lượng Urê (niệu)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
95	Định lượng Urê máu [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
96	Định lượng Vancomycin [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
97	Đo hoạt độ ALT (SGPT) [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
98	Đo hoạt độ AST (SGOT) [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
99	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
100	Haptoglobin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
101	Lactat (dịch)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
102	Metanepherine (Định lượng Metanephrine máu, Metanephrine niệu 24h)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
103	MicroAlbumin nước tiểu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
104	Microalbumin/Creatinin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
105	Phân tích Acid Hữu cơ Nước tiểu (Urinary Organic Acids by GC-MS)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
106	Protein dịch	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
107	Sàng lọc bệnh chuyển hoá bằng MS/MS	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
108	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
109	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng phương pháp thủ công	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
	MIỄN DỊCH				
110	AFP	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
111	AIH Screening: SMA, LKM-1, IFT, AMA, ANA: Sàng lọc viêm gan tự miễn.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
112	ANA	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
113	ANCA screen (Kháng thể kháng bạch cầu trung tính)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN	GHI CHÚ
114	anti ds DNA	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
115	Anti GAD65	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
116	Anti HBc	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
117	Anti HBe	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
118	Anti Phospholipid IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
119	Anti Phospholipid IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
120	anti Sm	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
121	Anti-beta 2 Glycoprotein I (IgG/IgM)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
122	c-IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
123	C-Peptide	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
124	CASPR2 dịch não tủy	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
125	Ceruloplasmin (Ceruloplasmine)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
126	Chất chỉ điểm Ung thư	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
127	CMV DNA máu – nước tiểu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
128	CMV- IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
129	CMV- IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
130	CMV nước bọt	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
131	CMV-AND (CMV-DNA)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
132	DHEA-S	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
133	Measles IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
134	DPPX (Dipeptidyl Peptidase Like Protein 6) dịch não tủy	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
135	dsDNA Ab / Anti-dsDNA / Kháng thể kháng dsDNA ELISA: Đặc hiệu cho lupus ban đỏ hệ thống.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
136	Đếm số lượng tế bào T-CD4	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
137	Định lượng Ferritin [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
138	Định lượng C3	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
139	Định lượng C4	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
140	Định lượng cụ thể Anti-PR3 và Anti-MPO	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
141	Định lượng FSH	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
142	Định lượng FT3	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
143	Định lượng FT4	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
144	Định lượng PTH (Parathyroid Hormone)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
145	Định lượng kháng thể tuyến giáp: anti Thyroglobulin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
146	Định lượng kháng thể tuyến giáp: Anti TPO	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
147	Định lượng kháng thể tuyến giáp: TRAb	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN	GHI CHÚ
148	Định lượng G6PD	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
149	Định lượng IgA	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
150	Định lượng IgE	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
151	Định lượng IGF1	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
152	Định lượng IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
153	Định lượng IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
154	Định lượng Interleukin 6 (IL-6)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
155	Định lượng kháng thể kháng Beta2-Glycoprotein IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
156	Định lượng kháng thể kháng Beta2-Glycoprotein IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
157	Định lượng LH	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
158	Định lượng TSH	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
159	Định lượng Estradiol	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
160	Định lượng Progesteron	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
161	Định lượng Testosterone	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
162	Định lượng Erythropoietin (EPO)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
163	Định lượng Myoglobin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
164	Định lượng Renin Activity (Renin)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
165	Định lượng RF (Reumatoid Factor) [Máu]	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
166	Định lượng NT ProBNP	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
167	Định lượng Troponin I máu, Troponin I Siêu Nhạy)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
168	Troponin T/I	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
169	EBV IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
170	EBV IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
171	EBV VCA IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
172	EV71 IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
173	GRA (QuantiFERON): Xét nghiệm giải phóng interferon-gamma để chẩn đoán nhiễm lao tiềm tàng.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
174	HAV IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
175	HAVAb IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
176	HBc IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
177	HBeAb	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
178	HBeAg	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
179	HBsAb định lượng	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
180	HBsAg định lượng	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
181	HBV DNA	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
182	HCV Ab miễn dịch tự động	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN	GHI CHÚ
183	HCV Ab test nhanh	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
184	HEV IgM.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
185	HIV Ab test nhanh	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
186	HSV 1+2 IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
187	HSV 1+2 IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
188	ICA (Kháng thể kháng tiểu đảo)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
189	IgE đặc hiệu Alpha- lactaglobulin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
190	IgE đặc hiệu Beta- lactoglobulin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
191	IgE đặc hiệu Casein	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
192	IgE đặc hiệu sữa	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
193	IGRA lao	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
194	IGRA Quantiferon	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
195	Japanese Encephalitis IgM (JEV IgM) / JEV IgG: Viêm não Nhật Bản.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
196	Kháng Thể Kháng Nhân (ANA) / ANA Miễn dịch tự động / Anti-ANA ELISA: Sàng lọc bệnh tự miễn toàn thân (như lupus).	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
197	Leptospira IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
198	Leptospira IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
199	LGI1 dịch não tủy	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
200	Liver Panel 14 (14 loại kháng thể về bệnh gan tự miễn): Tự miễn gan.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
201	Liver Panel 4 (4 loại kháng thể về bệnh gan tự miễn IgG): Tự miễn gan.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
202	Dị ứng 60 dị nguyên	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
203	Miễn dịch dị ứng đa dị nguyên	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
204	Miễn dịch dị ứng đa dị nguyên 44, 72	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
205	Mumps IgM miễn dịch	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
206	Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert: Phát hiện lao và kháng rifampicin.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
207	Mycoplasma pneumonia IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
208	Mycoplasma pneumonia IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
209	NMDAR (N- Methyl - D - Aspartate Receptor) dịch não tủy	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
210	Panel Cytokine Bão Viêm (IL-1beta, IL-10, TNF-alpha, sCD25/sIL-2R)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
211	Panel Viêm não tự miễn / MOGAD / NMODS trong Huyết thanh (Anti-MOG, Anti-AQP4)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
212	Phosphat	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
213	Prolactin	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN	GHI CHÚ
214	RPR/TPHA dịch não tủy	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
215	Quantiferon-TB Gold Plus: Chẩn đoán lao tiềm ẩn.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
216	Rubella Ig M	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
217	Rubella IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
218	Streptococcus pyogenes ASO	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
219	RPR test nhanh	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
220	RPR định lượng	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
221	TPHA	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
222	TORCH	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
223	Viêm não tự miễn (Autoimmune Encephalitis): Tự miễn thần kinh.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
224	Xét nghiệm nấm xâm lấn nhanh: 1,3-Beta-D-Glucan (BDG Test) & Galactomannan	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
	KÝ SINH				
225	Ancyclostoma (Giun móc) IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
226	Ancyclostoma (Giun móc) IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
227	Angiostrongylus cantonensis IgG (Giun tròn)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
228	Angiostrongylus cantonensis IgM (Giun tròn)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
229	Ascaris lumbricoides IgG (Giun đũa)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
230	Ascaris lumbricoides IgM (Giun đũa)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
231	Aspergillus fumigatus IgG.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
232	Aspergillus fumigatus IgM.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
233	Calprotectin/ phân (Xét nghiệm phân)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
234	Candida albicans IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
235	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động (Clonorchis Sinensis IgG)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
236	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động (Clonorchis Sinensis IgM)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
237	Cysticercosis(Taenia Solium) IgG (Sán dây lợn)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
238	Cysticercosis(Taenia Solium) IgM (Sán dây lợn)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
239	Echinococcus IgG (Sán dải chó)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
240	Echinococcus IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
241	Fasciola IgG (Sán lá gan lớn)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
242	Gnathostoma IgG (Giun đầu gai)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
243	Máu ẩn trong phân (Xét nghiệm phân)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN	GHI CHÚ
244	Paragonimus IgG (Sán lá phổi)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
245	Paragonimus IgM (Sán lá phổi)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
246	Schistosoma masoni IgG (Sán máng)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
247	Soi phân tìm giun móc phân	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
248	Strongyloides stercoralis IgG (Giun lươn)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
249	Toxoplasma IgG	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
250	Toxoplasma IgM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
251	Trichinella spiralis IgG (Giun xoắn)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
	SINH HỌC PHÂN TỬ				
252	Xét nghiệm chẩn đoán ký sinh trùng trong dịch não tủy: Phát hiện ký sinh trùng (như Toxoplasma, Naegleria) trong dịch não tủy, thường bằng nhuộm soi hoặc PCR	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
253	PCR dịch não tủy tìm Toxoplasma (nhiễm ký sinh trùng Toxoplasma ở não)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
254	PCR đa tác nhân (máu, đàm, ETA, dịch não tủy, dịch màng phổi)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
255	PCR EV71	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
256	PCR Japanese Encephalitis (viêm não Nhật bản) DNT	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
257	PCR NẤM	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
258	PCR phát hiện CMV	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
259	PCR Real-time Vi khuẩn bạch hầu	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
260	PCR Realtime HSV 1 + 2 DNA (Herpes Simplex Virus - nhiễm trùng toàn thân hoặc sang thương)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
261	PCR RealTime Mycobacterium tuberculosis (lao phổi, lao toàn thân)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
262	PCR RealTime Neisseria gonorrhoeae: Phát hiện DNA vi khuẩn lậu.	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
263	Realtime PCR EBV DNA	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
264	PCR lao (lao phổi, dịch, lao toàn thân)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
265	PCR Measles	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
266	PCR dịch màng não tìm Cryptococcus (nhiễm nấm Cryptococcus ở não/màng não)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
267	PCR VZV DNT & PCR Enterovirus DNT tổng quát	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
268	PCR Adenovirus định lượng	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
	VI SINH				
269	Nuôi cấy kháng sinh đồ vi khuẩn Hp	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN	GHI CHÚ
270	TDM Kháng sinh/Kháng nấm khác (Amikacin, Gentamicin, Voriconazole)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
271	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
272	Vi khuẩn kháng thuốc tự động	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
273	Vi khuẩn nhuộm soi	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
274	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
275	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
276	Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
277	Vi nấm kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 9 loại kháng sinh)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
278	Vi nấm kháng thuốc tự động	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
279	Vi nấm nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
	DI TRUYỀN				
280	3 bệnh (TSH, G6PD, 17 OHP)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
281	6 bệnh (G6PD, TSH, 17 OHP, phenylketon, galactosemia, thiếu men biotinidase):	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
282	6 bệnh (G6PD, TSH, 17 OHP, phenylketon, galactosemia)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
283	Giải trình tự gen bằng pp Sanger, bằng NGS cho 1 số gene liên quan các bệnh di truyền như Duchene, cường insulin bẩm sinh,…	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
284	Giải trình tự gen WES Cấp cứu (Whole Exome) & Array CGH	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
285	Nhiễm sắc thể đồ (karyotype)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
	SÀNG LỌC SƠ SINH				
286	Sàng lọc sơ sinh cao cấp Babygene	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
287	Xét nghiệm ADN huyết thống cha/mẹ-con (M/NMM)	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
288	Panel gene động kinh TK08	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
289	Panel gene G4500 + mtDNA	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
290	Giải trình tự gen bằng phương pháp Sanger, hoặc NGS cho gene bệnh d Duchene, cường insulin bẩm sinh,…	Đáp ứng tiêu chí *	Lần		Ghi chú **
	TỔNG CỘNG: 290 XÉT NGHIỆM				

Tiêu chí *

1. Cơ sở thực hiện kỹ thuật xét nghiệm phải có giấy phép hoạt động và được phép thực hiện các xét nghiệm này ở Việt Nam.

2. Cơ sở thực hiện kỹ thuật xét nghiệm phải đạt mức chất lượng bằng hoặc cao hơn mức chất lượng của Khoa Xét nghiệm Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai (mức 2) theo tiêu chuẩn chất lượng của Quyết định số 2429/QĐ-BYT ngày 12/6/2017 của Bộ Y tế. Đặc biệt phải đáp ứng các tiểu mục 8.7, 8.8, 8.9, 8.10, 8.11, 8.15 về nội kiểm, ngoại kiểm hoặc tương đương.

3. Nhận mẫu xét nghiệm tại Khoa Xét nghiệm Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai.

Ghi chú **

Một số ưu tiên: giá rẻ; thời gian xét nghiệm nhanh.